

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/DS-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thường  
Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành – Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Bà Đinh Thị Thu N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: **Bà Đinh Thị Thu T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2017, bản tự khai ngày 20/4/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Thu N trình bày:*

Vào ngày 12/4/1998 (bản tự khai ghi ngày 19/4/1998, biên bản hòa giải ghi ngày 16/4/1998), bà N có cho bà T mượn một sợi dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24k hiệu Đăng Khá, khi mượn vàng hai bên không làm giấy tờ, thỏa thuận 01 tháng bà T sẽ trả cho bà N, mục đích mượn vàng của bà T làm gì thì bà N không biết. Bà N đến nhà bà T nhiều lần yêu cầu bà T trả 04 chỉ vàng 24k nhưng từ năm 1998 đến nay bà T không trả. Ông Nguyễn Văn D - chồng bà T không biết việc mượn vàng nên bà N không yêu cầu ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả vàng cho bà. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà 04

chỉ vàng 24k (giá vàng tại thời điểm khởi kiện là 3.320.000 đồng/chỉ), không yêu cầu tính lãi số vàng trên.

*Tại bản tự khai ngày 20/4/2017, các biên bản hòa giải và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị Thu T trình bày:*

Bà thừa nhận vào năm 1998 (bà không nhớ ngày tháng) có mượn của bà N một sợi dây chuyền (không có mặt dây chuyền như bà N trình bày) trọng lượng 03 chỉ vàng 24k để bán lấy tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của bà Hồ Thị H (mẹ ruột bà T, bà N) đang thế chấp vay tiền ở ngân hàng tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (bà T không biết tên ngân hàng). Bà Đinh Thị Thu M, Đinh Thị Thu H (em ruột của bà T, bà N) nhận 03 chỉ vàng 24k đi bán. Sau khi chuộc sổ đỏ của bà H, phần đất của bà H được chia cho 09 anh chị em của bà T. Do đó, bà T không đồng ý một mình bà trả cho bà N 03 chỉ vàng 24k mà bà T yêu cầu 09 anh chị em của bà T (trong đó có bà N) phải có trách nhiệm trả cho bà N 03 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà T trả cho bà 04 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi; không yêu cầu tính lãi suất số vàng trên. Bà N cho bà T mượn vàng là năm 1998 (bà không nhớ chính xác ngày tháng).

Bà T thừa nhận có mượn bà N 03 chỉ vàng 24k nhưng không đồng ý một mình bà trả cho bà N 03 chỉ vàng 24k mà yêu cầu 09 anh chị em của bà T (trong đó có bà N) phải có trách nhiệm trả cho bà N 03 chỉ vàng 24k.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Ngày 13/3/2017, bà N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu bà T trả cho bà 04 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi; không yêu cầu tính lãi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà N, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 1995. Vụ kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Đây là hợp đồng vay tài sản giữa bên cho vay là bà N với bên vay là bà T. Hội đồng xét xử xét thấy bà N yêu cầu bà T trả số vàng là 04 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi. Tại phiên tòa, bà N và bà T đều thừa nhận khi cho mượn vàng hai bên không làm biên nhận. Mặc dù Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh bà N cho bà T mượn 04 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ theo nội dung thông báo trên. Bà N cho rằng vào năm 2008 (không xác định ngày tháng) ban hòa giải ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre có tổ chức hòa giải việc tranh chấp 04 chỉ vàng 24k giữa bà N với bà T. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện

Châu Thành, tỉnh Bến Tre đối với ông Đặng Văn D (là trưởng ấp ấp A, xã B thời điểm năm 2008) xác nhận vào năm 2008 ông có tham gia hòa giải vụ việc bà N yêu cầu bà T trả 04 chỉ vàng 24k (nhưng không còn lưu biên bản hòa giải). Tại đơn xin xác nhận ngày 25/6/2017 của bà Đinh Thị Thu N, ông Lê Văn G (có tham gia hòa giải năm 2008) xác nhận “tổ hòa giải ấp A có giải quyết 04 chỉ vàng của Đinh Thị Thu N, thời gian giải quyết năm 2008”; ông Đặng Văn Đ xác nhận “vào năm 2008 tổ hòa giải ấp A có giải quyết đơn của chị Đinh Thị Thu N số lượng là 04 chỉ vàng 24k” nhưng không xác nhận cụ thể 04 chỉ vàng 24k bà N cho ai mượn.

Trong khi đó, bà T thừa nhận có mượn của bà N 03 chỉ vàng 24k do bà Đinh Thị Thu M và Đinh Thị Thu H nhận vàng đi bán. Tại biên bản làm việc ngày 15/6/2017 của Tòa án, bà H trình bày bà T mượn của bà N 03 chỉ vàng 24k (sợi dây chuyền không có mặt dây chuyền), bà H và bà M đi bán vàng để lấy tiền chuộc sổ đỏ của bà Hồ Thị H (mẹ ruột bà H, bà N, bà T).

Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2017 của Tòa án, bà Đinh Thị Thu M trình bày bà T mượn bà M cùng bà H đi bán sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, bà T nói sợi dây chuyền và mặt dây chuyền mượn của bà N, thời điểm đó sổ đỏ của bà Hồ Thị H (mẹ ruột bà H, bà N, bà T, bà M) không có thể chấp ở ngân hàng để vay tiền như bà T trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà Đinh Thị Thu M, Đinh Thị Thu H (bà M, bà H là em ruột bà N và bà T) là không thống nhất nhau về trọng lượng vàng bà T mượn của bà N mặc dù hai bà thừa nhận trực tiếp đi bán vàng dùm bà T. Việc bà T cho rằng mục đích mượn vàng của bà N để bán lấy tiền chuộc sổ đỏ của bà Hồ Thị H (sau đó phần đất của bà H chia thừa kế cho các anh chị em của bà trong đó có bà N) nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà T thừa nhận có mượn của bà N 03 chỉ vàng 24k chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy lời thừa nhận của bà T là căn cứ buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà N số vàng 03 chỉ 24k 9,8 tuổi.

[4]Đối với ông Nguyễn Văn D là chồng của bà Đinh Thị Thu T, bà N cho rằng ông D không biết việc mượn vàng của bà T (bà T cũng thừa nhận ông D - chồng bà T không biết việc bà T mượn vàng của bà N) nên bà N không yêu cầu ông D liên đới cùng bà T trả vàng cho bà. Đây là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận.

Về lãi suất: bà N và bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Tại thời điểm xét xử giá vàng 24k 9,8 tuổi có giá 01 chỉ là 3.560.000 đồng/chỉ x 03 chỉ = 10.680.0000 đồng. Đây là căn cứ để tính án phí có giá ngạch theo quy định.

[6]Về án phí: Do bà N được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà T phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định (03 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi)  $10.680.0000 \text{ đồng} \times 5\% = 534.000 \text{ đồng}$ .

Bà N chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: 01 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 467, 471 của Bộ luật dân sự năm 1995;  
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thu N về việc yêu cầu thực hiện hợp đồng vay đối với bà Đinh Thị Thu T.

2. Buộc bà Đinh Thị Thu T có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Thu N 03 (ba) chỉ vàng 24k 9,8 tuổi. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi suất số vàng nêu trên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Buộc bà T phải nộp là 534.000 đồng (năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Bà N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 332.000 đồng theo biên lai thu số 0009877 ngày 17/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà N được nhận lại số tiền chênh lệch là 32.000 đồng (ba mươi hai ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**